

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2020/DS-ST**
Ngày 08 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST- DS ngày 10/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS ngày 09/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2020/QĐST-DS ngày 24/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

Địa chỉ: Số 130, P, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị N** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Cà Mau.

(*Quyết định ủy quyền số: 428/QĐ-DAB-PC ngày 06/4/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ*).

Người được bà N ủy quyền lại: Bà **Ngô Hồng N** – Nhân viên phát triển kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 3, A, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

(*Quyết định ủy quyền số: 54/QĐ-CMU ngày 19/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Cà Mau*).

- Bị đơn: Ông **Lê Vũ C**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà N có mặt. Ông C vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn Ngô Hồng N có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ông Lê Vũ C ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/6/2014 đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ chi nhánh Cà Mau cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, sau đó được Ngân hàng duyệt cho vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng và được giải ngân tại danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt số 0133425201T14001 ngày 14/7/2014. Trong quá trình vay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.992.000 đồng, sau đó ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, tính đến ngày 07/5/2020 ông C còn nợ Ngân hàng 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng).

Bà N đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông Lê Vũ C số tiền nợ 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng).

- Đối với bị đơn Lê Vũ C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh Thi đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Lê Vũ C có ký kết hợp đồng tín dụng vay tài sản, do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là đúng theo Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Mục đích vay tiền là vay tiêu dùng và hiện nay có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết, do đó xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông C đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng ông C.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Giao dịch dân sự giữa các đương sự đã được thực hiện và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết tại thời điểm giao kết hợp đồng để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/6/2014 có nội dung ông C đề nghị vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và được Ngân hàng duyệt cho vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng và được giải ngân tại danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt số 0133425201T14001 ngày 14/7/2014 là có thật, các giấy tờ đều có chữ ký của ông C, như vậy, có căn cứ xác định ông C có vay của Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và luật chung. Hiện nay, Ngân hàng xác định ông C còn nợ Ngân hàng khoản nợ 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng), ông C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các thông báo triệu tập hợp lệ để tham gia trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ông C không đến và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng, hơn nữa ông C cũng không cung cấp tài liệu gì chứng minh đã thực hiện việc trả các khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng. Do đó, có căn cứ xác định ông C hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền nợ 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng) tính đến ngày 07/5/2020 chưa thanh toán là đúng, nên cần buộc ông C thanh toán khoản nợ này cho Ngân hàng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những phân tích, lập luận, đánh giá chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở để chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bị đơn Lê Vũ C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng) tính đến ngày 07/5/2020 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[5] *Về án phí*: Bị đơn Lê Vũ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000 đồng đối với số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

+ Buộc bị đơn Lê Vũ C phải có nghĩa vụ trả nợ cho đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 1.770.000 đồng (trong đó tiền vốn và lãi trong hạn là 1.248.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 522.000 đồng) tính đến ngày 07/5/2020, kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2020 ông Lê Vũ C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ ngày 23/6/2014 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc bị đơn Lê Vũ C phải nộp 300.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003115 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung